**TUẦN 14**

**TIẾT 66 : LÍT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cảm nhận về sức chứa của một vật. Biết lít là đơn vị đo dung tích, đọc rõ tên và ký hiệu của nó.

- Biết sử dụng ca 1 lít thực hành đong sức chứa của một số đồ vật quen thuộc.

- Biết thực hiện phép cộng, phép trừ và giải toán với các số kèm theo đơn vị lít.

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, bảng nhóm, ca 1 lít, chai 1lít, ca, cốc, bình nước,….

**2. Học sinh:** SGK, VBTT,....

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động**  - GV nêu có một can mắm và một can dầu ăn muốn biết mỗi can đựng bao nhiêu ta phải dùng đơn vị để đo đo là lít. Bài học hôm nay các em sẽ cùng cô tìm hiểu bài lít  - GV giới thiệu bài và ghi tên bài. | - Lớp hát.  - HS quan sát.  **-**HS nêu lại tựa bài. | |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Giới thiệu lít**  - Cho HS quan sát hình vẽ.  - Em thấy gì trong hình vẽ?  - Đồ vật nào chứa nhiều nước nhất?  - Để biết đồ vật nào có sức chứa nhiều nước nhất người ta dùng đơn vị lít để đo  - Đây là cái ca đựng nước, ca này có thể chứa 1 l.  - Đây là chai đựng nước , chai cũng có thể đựng 1 l.  - Lít là đơn vị đo dung tích.  **- Lít viết tắt là chữ l**  - Khi rót đây nước vào ca ta được 1 l nước.  - Khi rót đấy chai 1 l ta được 1 lt nước  - Cho hs đo 1lít. | - HS quan sát hình  - Em thấy gì trong hình vẽ nhiều đồ vật như  Ca, cốc chai, bình nước.  - Đồ vật chứa nhiều nước nhất là ca.  - HS lắng nghe.  -HS quan sát.  - HS đọc và viết kí hiệu lít trên bảng con.  - HS đo 1lít. | |
|  | | |
| **3. Thực hành luyện tập.**  **Bài 1a :**  - Gọi HS đọc đề bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Cho hs quan sát hình minh hoa và trả lời mỗi bình chứa bao nhiêu lít.  - Mỗi vạch của ca là 1 lít các em quan sát các vạch trên mỗi ca nhé.  - Tổ chức HS thảo luận nhóm.  - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.  **Bài 1 b.**  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV Có một bình nước không biết chứa bao nhiêu lít bây giờ chúng mình cùng thực hành rót hết số nước ra 3 ca , mỗi ca 1 lít  - Cho hs chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét và chốt đáp án đúng.  Lúc đầu bình có 3 lít nước | | - HS đọc đề.  - HS nêu yêu cầu. a) Mỗi bình sau chứa bao nhiêu lít nước?  - HS quan sát và trả lời mỗi bình chứa bao nhiêu lít nước.  - **Nhóm 4:** HS thực hành rót nước từ bình ra ca.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  Bình 1: chứa 2 l Bình 2 : chứa 4 l  Bình 3 : 7 lt1  - HS nêu yêu cầu. b) Rót nước từ bình vào đầy ba ca 1 l thì vừa hết nước trong bình. Hỏi lúc đầu bình có bao nhiêu lít nước?  - HS quan sát cùng thực hành rót hết số nước ra 3 ca , mỗi ca 1 lít  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  - Lúc đầu bình có số lít nước là: 1l + 1l + 1l = 3 l |
| **Bài 2** :  - Gọi HS đọc đề bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Mẫu: 9*l* + 8*l* = 17*l*  - Yêu cầu lớp bảng con.  - Giáo viên nhận xét, chữa bài.  - GV nhận xét chốt bài đúng.  **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - Nhắc lại kí hiệu l, lít đơn vị đo dung tích.  - Thực hành đong sức chứa của một số đồ vật nhé  - Nhận xét tiết học. | | - HS đọc đề bài.  - HS nêu: Tính (theo mẫu):  - Học sinh chú ý, theo dõi.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh  **\*Dự kiến:**  *15 l + 5 l = 20l*  *7l + 3l + 8 l = 18 l*  *22l - 20l = 2l*  *37l - 2l - 5l = 30l*  - HS nêu ý kiến.  -Thực hiện tại nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):**

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

**TIẾT 67 : LÍT (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết được biểu tượng về đại lượng khối lượng. Biết ki-lô-gam là đơn vị đo khối lượng.

- Biết cái cân đĩa và một số loại cân khác là dụng cụ để đo đại lượng, khối lượng. Biết đọc số đo trên các cân theo đơn vị ki-lô-gam.

- Thực hàn cân một số đồ vật trong tực tế và tính toán theo đơn vị ki-lô-gam

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, bảng nhóm, ca 1 lít, chai 1lít, ca, cốc, bình nước,….

**2. Học sinh:** SGK, VBTT,....

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát tập thể bài Em học toán.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài. | - HS hát và vận động theo bài hát  **-**HS nhắc lại tựa. |
| **2. Thực hành luyện tập**  **Bài 3**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Tổ chức học sinh trao đổi đề bài nhóm 2.  - Giáo viên nhận xét.  -Yêu cầu hs làm bài. GV kiểm tra vở  - Tổ chức HS thảo luận nhóm.  - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng.  - Ngoài câu trả lời của bạn ai có câu trả lời khác?  - GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng.  \* GV chốt cách giải bài toán về nhiều hơn.  **Bài 4**:  - Bài yêu cầu làm gì?  - Tổ chức HS quan sát.  - Yêu cầu HS làm bài.  - Tổ chức HS thảo luận nhóm.  - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét nhanh bài làm của một số học.  - Giáo viên nhận xét chung. | **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? Bình xăng của một ô tô có 52 l xăng, ô tô đã đi một quãng đường hết 30 l xăng.  + Bài toán hỏi gì? Hỏi bình xăng của ô tô còn lại bao nhiêu lít xăng?  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải:**  Số lít xăng còn lại của bình xăng xe ô tô là:  52 + 30 = 12( l)  Đáp số: 12 l xăng  - Bình xăng của ô tô còn lại số lít xăng là:  - HS lắng nghe.  - HS nêu yêu cầu. Nối thẻ ghi số lít thích hợp với mỗi đồ vật:  - HS quan sát các vật dụng và các số đo theo đơn vị lít.  **- Cá nhân:** HS làm bài.  **- Nhóm 2:** HS trao đổi thống nhất kết quả.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến** |
| **Bài 5:**  - Bài yêu cầu làm gì?  - Chiếu bài lên bảng  - GV lưu ý HS đổ đều vào các cốc và cẩn thận không làm đổ nước ra ngoài.  - GV cho học sinh thực hành đổ nước từ bình chứa 1 lít nước, sang các cốc nhỏ hơn.  - Gọi đại diện nhóm nêu kết quả  - Nhận xét, đánh giá  - GV chốt nhận xét, đánh giá.  **3.Vận dụng, trải nghiệm**  **-** Qua các bài tập, chúng ta được củng cố kiến thức gì?  - GV nhấn mạnh kiến thức tiết học.  - Hoàn thành VBTT / 65  - GV nhận xét tiết học. | - HS nêu yêu cầu. Thực hành: Đổ 1 l nước từ bình 1 l sang các cốc như nhau.  - HS lắng nghe.  **- Nhóm 4:** HS thực hành  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.    - HS nhận xét sức chứa của mỗi cốc so với bình đựng một lít.  - HS lắng nghe.  - Biết sử dụng ca 1 lít thực hành đong sức chứa của một số đồ vật quen thuộc.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):**

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

**TIẾT 68 : LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- HS được luyện tập tổng hợp về ki-lô-gam, lít.

- Vận dụng giải quyết vấn đề

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, bảng nhóm, cân, các quả cân,...

**2. Học sinh:** SGK, VBTT,....

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát tập thể bài Vui đến trường.  - Yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo đã biết.  - GV nhận xét - tuyên dương  - GV kết hợp giới thiệu bài. | - HS vận động theo nhạc.  - HS nêu ý kiến.  - HS nhắc lại tựa bài. | |
| **2. Thực hành - Luyện tập**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc đề bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm bài.  - GV cho HS thảo luận nhóm 2 để tìm ra kết quả.  - GV chiếu hình vẽ minh họa, mời đại diện các nhóm lên chỉ và nêu kết quả ở phần a và b.  - Nhận xét đánh giá và kết luận: | | - 1HS đọc đề.  - HS nêu yêu cầu. Số?  **- Cá nhân:** HS quan sát nói cho bạn nghe cân nặng và sức chứa của người, vật có trong bài tập.  **- Nhóm 2:** HS trao đổi thống nhất kết quả.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  a/ Túi gạo cân nặng 5kg, bạn Lan cân nặng 25kg.  b/ Hình vẽ có tất cả 22 lít. |
| **Bài 2**  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Muốn biết quả sầu riêng nặng bao nhiêu ki-lô-gam ở phần a và phải đổ thêm bao nhiêu lít nước vào can ở phần b con phải làm thế nào?  - Gọi HS chữa bài  - GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng.  **3. Vận dụng, trải nghiệm**  - Qua các bài tập, chúng ta được củng cố kiến thức gì?  - GV nhấn mạnh kiến thức tiết học  - GV đánh giá, động viên, khích lệ HS.  -Thực hành đong sức chứa của một số đồ vật nhé.  - Nhận xét tiết học | | - 1HS đọc đề.  - HS nêu yêu cầu.  a) Quả sầu riêng cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  b) Chiếc can đang đựng 5 l nước. Hỏi phải đổ thêm bao nhiêu lít nước nữa thì đầy can?  **- Cá nhân:** HS suy nghĩ cá nhân đưa ra câu trả lời.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  a/ Quả sầu riêng cân nặng 3kg.  b/ Phải đổ thêm 5 lít nước nữa thì đầy can.  - Lớp chia sẻ:  Dự kiến chia sẻ:  + Vì sao bạn tìm được quả sầu riêng nặng 3kg?  + Bạn nào có đáp án khác?  + Vì sao phải đổ thêm 5 lít nước nữa để đầy can?  a/ Đĩa cân thứ nhất nặng 4kg, đĩa cân thứ hai gồm quả sầu riêng và quả cân 1kg thì nặng tất cả 4kg. Ta lấy 4 – 1 = 3kg. Vậy quả sầu riêng nặng 3kg.  b/ Chiếc can chứa 10 lít, trong can đã có 5 lít nước. Ta lấy 10 lít – 5 lít = 5 lít. Vậy cần đổ thêm 5 lít nước cho đầy can.  - HS lắng nghe.  - Được luyện tập tổng hợp về ki-lô-gam, lít.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):**

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

**TIẾT 69 : LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- HS được luyện tập tổng hợp về ki-lô-gam, lít.

- Vận dụng giải quyết vấn đề

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, bảng nhóm, cân, các quả cân,...

**2. Học sinh:** SGK, VBTT,....

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát tập thể bài Tập đếm  - GV giới thiệu bài ghi bảng | - HS hát và vận động theo bài hát Tập đếm  -HS nhắc lại tựa bài. |
| **2. Thực hành, luyện tập**  **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài 3 yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS quan sát và nêu nội dung tranh.  - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân tìm ra kết quả.  - GV chiếu hình vẽ minh họa, mời đại diện các nhóm lên chỉ và nêu kết quả.  - GV chốt bài làm đúng:  **Bài 4.**  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Tổ chức học sinh trao đổi đề bài nhóm 2.  - Giáo viên nhận xét.  -Yêu cầu hs làm bài. GV kiểm tra vở  - Tổ chức HS thảo luận nhóm.  - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng.  - Ngoài câu trả lời của bạn ai có câu trả lời khác?  - GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng. | - 1HS đọc đề.  - HS nêu yêu cầu.  Em hãy quan sát cân và cho biết em bé cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam. Biết mẹ cân nặng 63kg  - HS quan sát tranh nhận ra được chiếc bàn đang cân người mẹ và em bé. HS đọc được số cân nặng của mẹ và em bé.  **- Cá nhân:** HS suy nghĩ cá nhân đưa ra câu trả lời.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  - Cân nặng của em bé bằng cân nặng của hai mẹ con là 70 trừ đi cân nặng của mẹ là 63. Vậy em bé nặng 7kg.  **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? Buổi sáng cửa hàng bán được 35 l sữa, buổi chiều cửa hàng bán được nhiều hơn buổi sáng 15l sữa.  + Bài toán hỏi gì? Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu lít sữa?  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Buổi chiều cửa hàng bán được số sữa là:  35 + 15 = 50 ( lít)  Đáp số: 50 lít  - Số lít sữa buổi chiều cửa hàng bán là:  - HS lắng nghe. |
| **Bài 5** :  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân tìm ra tên một số đồ vật trong thực tế có thể chứa đầy được 1 l, 2 l, 3 l, 10 l, 20 l.  - Tổ chức HS thảo luận nhóm.  - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.  - GV cho HS quan sát thêm một số hình ảnh vật dụng chứa chất lỏng bằng nhiều vật liệu và sức chứa khác nhau.  Hộp sữa, chai nước ngọt, can dầu, can xăng ….  -GV nhận xét chốt bài đúng  **3. Vận dụng, trải nghiệm**  - Bài học hôm nay ,con đã học thêm được điều gì?  -Thực hành đong sức chứa của một số đồ vật nhé.  -Nhận xét tiết học. | - HS đọc yêu cầu.  - HS nêu yêu cầu. Kể tên một số đồ vật trong thực tế có thể chứa đầy được 1 l, 2 l, 3 l, 10 l, 20 l.  **- Cá nhân:** HS suy nghĩ cá nhân tìm ra tên một số đồ vật trong thực tế có thể chứa đầy được 1 l, 2 l, 3 l, 10 l, 20 l.  **- Nhóm 2:** HS trao đổi thống nhất kết quả.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  Chai chứa 1l, phích nước 2l , bình siêu tốc 2l, lọ thủy tinh 10l, Bình nhựa 20l  -HS quan sát và ước chừng  - HS nêu được luyện tập tổng hợp về ki-lô-gam, lít.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):**

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

**TIẾT 70 : TỨ GIÁC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Có được biểu tượng về hình tứ giác. Nhận dạng và gọi đúng tên hình tứ giác.

- Liên hệ với thực tế cuộc sống có liên quan đến hình tứ giác.

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, giấy màu,...

**2. Học sinh:** SGK, VBTT, giấy màu,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  **-** GV tổ chức cho HS quan sát các mảnh bìa hình tròn, hình tam giác, hình tứ giác màu sắc khác nhau để tùy ý không theo trật tự.  - GV giới thiệu bài. | - Lớp hát.  **-** HS thực hành phân loại các mảnh bìa đó theo từng nhóm có cùng hình dạng: hình tròn, hình tam giác  -HS nêu lại tựa bài. |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  - GV giới thiệu nhóm các tấm bìa còn lại là hình tứ giác.  - GV yêu cầu HS suy nghĩ các nhân nhận dạng đặc điểm của hình tứ giác sau đó thảo luận nhóm 4.  - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.  - GV chốt: Hình tứ giác có 4 cạnh, 4 góc. | - HS quan sát.  **- Cá nhân:** HS suy nghĩ các nhân nhận dạng đặc điểm của hình tứ giác  **- Nhóm 4:** HS trao đổi nhận dạng đặc điểm của hình tứ giác.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  - HS quan sát các tấm bìa và lựa chọn các hình có dạng giống nhau  - HS giơ cao tấm bìa có dạng hình tứ giác  - HS nêu được đặc điểm hình tứ giác có 4 cạnh, 4 góc.  - HS lắng nghe. |
| **3. Thực hành luyện tập.**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS chỉ ra được hình tứ giác.  - Gọi HS lên chữa bài.  - Hình vừa lựa chọn có khác gì với hình còn lại  **- GV chốt:** Hình màu vàng là hình tứ giác. | - 1HS đọc đề.  - HS nêu yêu cầu. Đánh dấu X vào ô trống đặt cạnh hình tứ giác trong mỗi hình  **- Cá nhân:** HS làm bài.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  - Có 4 cạnh  - HS lắng nghe. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Đây là hình chiếc thuyền, chiếc thuyền có những bộ phận nào? các bộ phận đó hình gì ? Tương tự với chậu hoa và máy bay  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - Tổ chức HS thảo luận nhóm.  - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.  - Nhận xét, đánh giá  **\* GV chốt bài làm đúng:**  **Bài 3:**  **-** Yêu cầu HS đọc đề bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Muốn tìm được mảnh ghép phù hợp em phải làm thế nào?  - GV yêu cầu HS suy nghĩ các nhân nhận dạng đặc điểm của hình tứ giác sau đó thảo luận nhóm 4.  - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.  - GV kết luận nhóm thắng cuộc.  **\* GV chốt bài đúng:** Cần chọn mảnh ghép 1, 3, 5, 6.  **- GV chốt:** Cần tô màu 7 hình tứ giác.  **Bài 4:**  **-** Yêu cầu HS đọc đề bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Muốn tìm được mảnh ghép phù hợp em phải làm thế nào?  - GV yêu cầu HS suy nghĩ các nhân nhận dạng đặc điểm của hình tứ giác sau đó thảo luận nhóm 4.  - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.  - Gọi HS chữa bài, nhận xét, chốt bài đúng. | - 1HS đọc đề.  - HS nêu yêu cầu. Tô màu vào những hình tứ giác em nhìn thấy trong mỗi hình sau:  - HS quan sát mỗi bức tranh, nhận dạng được các hình tứ giác có trong mỗi tranh đó trong nhóm đôi.  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 2**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh  **\*Dự kiến:**  **-Hình 1**: Chiếc thuyền, lá cờ, cánh buồm đỏ.  **-Hình 2**: Chậu hoa, lá cây.  **-Hình 3**: Cánh máy bay.  + Vì sao bạn cho rằng chậu hoa, cánh máy bay là hình tứ giác?  + Tại sao cánh buồm màu xanh, thân máy bay không phải là hình tứ giác?  -HS đối chiếu với bài của cô  Bài 41: Hình tứ giác - Giải VBT Toán 2 - Cánh Diều 4  - 1HS đọc đề.  - HS nêu yêu cầu. Hình vuông sau được ghép từ các mảnh bìa nào? Hãy nối các mảnh bìa đó vào vị trí thích hợp trên hình vuông:  - HS quan sát nhận ra được hình vuông được chia thành các mảnh hình tam giác và thấy các mảnh bìa rời dạng hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, đối chiếu các mảnh bìa với miếng ghép trong hình vuông để tìm mảnh ghép phù hợp.  **- Cá nhân:** HS suy nghĩ các nhân nhận dạng đặc điểm của hình tứ giác  - **Nhóm 4**:Trao đổi thống nhất kết quả.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh  **\*Dự kiến:**  Bài 41: Hình tứ giác - Giải VBT Toán 2 - Cánh Diều 8  -1 em đọc.  a) Người Mông thường sử dụng đá để làm tường rào xung quanh ngôi nhà của mình. Em hãy đánh dấu X vào những hình tứ giác mà em nhìn thấy trên bức tường đá trong bức tranh sau.  b) Tìm môt số đồ vật trong thực tế có dạng hình tứ giác.  - HS quan sát hình, nhận ra được các mảnh ghép hình tứ giác và tô màu xanh vào các hình tứ giác đó.  **- Cá nhân:** HS làm bài.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  a) Học sinh tự tô màu  b) Một số đồ vật trong thực tế có dạng hình tứ giác: bàn, giường, cửa sổ, … |
| **Bài 5:a**  - Gọi HS đọc đề bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm bài.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm.  - Gọi đại diện nhóm nêu kết quả.  - Nhận xét, đánh giá.  **5b.** GV cho HS nêu một số đồ vật có hình dạng tứ giác trong thực tiễn cuộc sống.  **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - Qua bài học, chúng ta được biết thêm kiến thức gì?  - GV nhấn mạnh kiến thức tiết học  - GV đánh giá, động viên, khích lệ HS.  - Hoàn thành vở bài tập toán trang 68/69  - Nhận xét tiết học. | - 1HS đọc đề.  - HS nêu yêu cầu.  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 2**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh  **\*Dự kiến:**  - Máng đèn, mặt bàn, ô cửa…  - Một số đồ vật trong thực tế có dạng hình tứ giác: bàn, giường, cửa sổ, …  - HS nêu: nhận dạng và gọi đúng tên hình tứ giác.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):**

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***

***…………………………………………………………………………………….***